

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trịnh Trần Tuyết Trinh;

2. Trương Quang Trung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2020 ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 503/1, tổ 10, khóm V, phường N, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 307, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Văn L vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà Lê Thị Thu H và ông Huỳnh Văn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam

số 99 ngày 07/7/2017. Sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng cùng sống tại khóm Vĩnh Phước, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc.

Quá trình chung sống, ông L thường xuyên bạo lực gia đình với bà Hằng. Không chịu đựng được nên bà Lê Thị Thu H bỏ về nhà cha mẹ ruột và không còn chung sống với ông L. Nay bà Lê Thị Thu H xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Lê Thị Thu H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 07/7/2015 hiện đang sống cùng ông L. Bà Hằng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn ông L vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh để thu thập chứng cứ được biết, Ông L và bà Lê Thị Thu H có thời gian sống tại Kênh 7, khóm Vĩnh Phước, phường Núi Sam, nhưng hiện nay cả hai đều đi làm thuê kiếm sống, thỉnh thoảng trở về địa phương. Về tình cảm thì không rõ mâu thuẫn như thế nào.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn Huỳnh Văn L là không có mặt khi Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Huỳnh Văn L có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống thường xuyên bị bạo hành nên giữa hai người đã không còn chung sống cùng nhau. Nay tình cảm không còn, nên bà Lê Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông L.

Bị đơn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần thông qua bà Bùi Thị T (mẹ ruột của ông L), nhưng không tham gia hòa giải và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày bà Lê Thị Thu H, bà Bùi Thị T, kết quả xác minh thể hiện giữa bà Lê Thị Thu H và ông L có mâu thuẫn, không còn sống chung thời gian dài. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc bà Lê Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 07/7/2015 hiện đang do ông L nuôi dạy. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý, nên để ông Huỳnh Văn L tiếp tục nuôi dạy con Huỳnh Thiên L là phù hợp, công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng con chung của bà Lê Thị Thu H là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Văn L, giao con chung Huỳnh Thiên L cho ông L tiếp tục nuôi dạy, công nhận tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của bà H là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, Bà Lê Thị Thu H và ông Huỳnh Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình thế nhưng giữa bà Lê Thị Thu H và ông L đã mâu thuẫn, không còn chung sống cùng nhau. Cho thấy hôn nhân giữa bà Hằng và ông L thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Thu H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Thu H.

[4] Về con chung:

Bà Lê Thị Thu H xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 07/7/2015 hiện đang sống cùng ông L. Bà Lê Thị Thu H đồng ý giao cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không tranh chấp về con chung nên xét chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự, tiếp tục giao cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thiên L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét việc cấp dưỡng con chung là nghĩa vụ của người không nuôi dưỡng con, trong trường hợp này bà Lê Thị Thu H không nuôi dưỡng con, nhưng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động là phù hợp quy định của pháp luật cần xem xét chấp nhận nguyện vọng này của bà Hằng.

Ông L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Hằng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn Huỳnh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*).

[9] Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 07/7/2017 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu H được ly hôn Ông Huỳnh Văn L.

[2] Về con chung:

Bà Lê Thị Thu H đồng ý giao con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 07/7/2015 cho ông Huỳnh Văn L được tiếp tục nuôi dạy cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Huỳnh Văn L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Bà Lê Thị Thu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Lê Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 07/7/2015 số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng hàng tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003679 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí. Ông Huỳnh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn).

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 07/7/2017 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[7] Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ, Bà Lê Thị Thu H, Ông Huỳnh Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà